

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

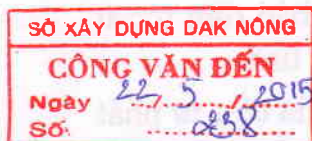
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 728 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 21 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh
Đắk Nông đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ, về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 256/TTr-SXD ngày 14/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, với các nội dung như sau:

I. Quan điểm phát triển

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng (gọi tắt là VLXD) phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch các ngành, các lĩnh vực kinh tế của tỉnh;

- Phát triển sản xuất VLXD phải gắn hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội để đảm bảo sự phát triển bền vững, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên và an ninh quốc phòng;

- Phát triển sản xuất VLXD trên cơ sở khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, lao động trên địa bàn, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế để sản xuất VLXD chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh;

- Phát triển đa dạng các chủng loại VLXD nhằm đáp ứng nhu cầu cho xây dựng các công trình. Chú trọng phát triển một số chủng loại có thể mạnh như gạch nung, gạch không nung, đá xây dựng, đá ốp lát, bazan bột, bê tông và các loại VLXD cho nông thôn, đồng thời quan tâm phát triển các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành cạnh tranh trên thị trường để có thể xuất ra ngoài tỉnh như

- Đầu tư phát triển sản xuất VLXD với các loại quy mô vừa và nhỏ, sử dụng các cấp công nghệ và thiết bị phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội từng khu vực. Chú trọng đầu tư công nghệ, thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất và tăng khả năng cạnh tranh trong tiêu thụ để đạt hiệu quả trong quá trình đầu tư, từng bước thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành sản xuất VLXD;

- Phân bố các cơ sở sản xuất VLXD phải gắn với thị trường, gần nguồn nguyên liệu và thuận lợi về giao thông vận tải, nhất là các loại vật liệu thô như gạch, đá, cát... để tránh vận chuyển đi xa. Quan tâm đúng mức tới phát triển các loại VLXD rẻ tiền, vật liệu tại chỗ để xây dựng nhà ở cho đồng bào dân tộc ít người, đường giao thông đặc biệt là tại các huyện ở xa trên địa bàn tỉnh;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất để thu hút vốn đầu tư, chống độc quyền, để kích thích cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất và lưu thông phân phối VLXD. Tổ chức sắp xếp lại lực lượng sản xuất kết hợp với nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với các hộ cá thể, các tổ hợp sản xuất, các doanh nghiệp tư nhân, hỗ trợ để thành phần kinh tế này, hùn vốn đầu tư mở rộng sản xuất bằng công nghệ, thiết bị tiên tiến, để quản lý tốt về tài nguyên, khối lượng, chất lượng và giá cả sản phẩm.

II. Mục tiêu

- Phát triển sản xuất VLXD tỉnh Đắk Nông nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của tỉnh, đặc biệt là nguồn tài nguyên khoáng sản làm VLXD và nguồn lao động tại chỗ, nâng cao chất lượng và sản lượng một số chủng loại VLXD hiện có và đầu tư sản xuất một số chủng loại vật liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu VLXD ngày càng tăng trên địa bàn và các tỉnh lân cận;

- Phát triển sản xuất VLXD nhằm gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần tăng nguồn thu ngân sách và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và xây dựng;

- Phát triển sản xuất VLXD nhằm thu hút lực lượng lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần vào chương trình xóa đói giảm nghèo của tỉnh.

III. Quy hoạch phát triển VLXD đến năm 2020

1. Vật liệu xây

1.1. Phương hướng phát triển

- Phát triển các cơ sở sản xuất gạch nung với quy mô vừa với công nghệ sản xuất tiên tiến, chất lượng sản phẩm cao, tiêu hao nguyên nhiên liệu thấp để dần thay thế các cơ sở sản xuất thủ công;

- Tận dụng tiềm năng về nguồn đá mặt thái, nguồn đá bazan bột để phát triển sản xuất gạch không nung, sản phẩm có kích thước phù hợp để thay thế một phần gạch nung, đáp ứng nhu cầu xây dựng các khu vực nông thôn miền núi. Đưa tỷ lệ gạch không nung trong tổng sản lượng gạch xây là 25 - 30% vào năm 2015, 30 - 35% vào năm 2020;

- Tổ chức sắp xếp lại lực lượng sản xuất gạch nung thủ công, hướng dẫn và khuyến khích các hộ tư nhân liên doanh liên kết thành lập Công ty cổ phần góp vốn mở rộng sản xuất, chuyển đổi sang công nghệ tiên tiến hoặc sản xuất gạch không nung;

- Khai thác đất làm gạch phải tuân theo Luật Khoáng sản và thủ tục cấp phép theo quy định. Chủ yếu là khai thác đất đồi, không khai thác đất ruộng, ảnh hưởng đến đất canh tác nông nghiệp.

1.2. Phương án cụ thể

1.2.1. Năm 2015:

- Duy trì ổn định sản xuất dây chuyền sản xuất gạch tuynel Công ty cổ phần VLXD Đắc Nông (xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút) đạt sản lượng 25 triệu viên/năm;

- Phát huy hết công suất nhà máy gạch tuynel Đắc Ha (xã Đắc Ha, huyện Đắc G'Long) đạt sản lượng 40 triệu viên/năm;

- Đưa vào sản xuất ổn định và phát huy hết công suất cơ sở sản xuất gạch lò vòng cải tiến của Công ty TNHH SX-TM-DV Anh Duy (xã Quảng Sơn, huyện Đắc G'Long) đạt công suất 9 triệu viên/năm;

- Duy trì ổn định sản xuất và phát huy hết công suất 3 cơ sở sản xuất lò đứng liên tục với công suất thiết kế 15,6 triệu viên/năm;

- Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất gạch thủ công tại huyện Krông Nô và huyện Cư Jút, không để phát sinh đầu tư mới, có lộ trình giảm dần phần đầu đến năm 2017 dừng sản xuất hoàn toàn các cơ sở sản xuất gạch thủ công;

- Duy trì 2 cơ sở sản xuất gạch block tại huyện Đắc Song, Tuy Đức để huy động thêm vật liệu xây hàng năm khoảng 5 triệu viên QTC;

- Phát huy công suất dây chuyền sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu tại huyện Đắc R'Lấp đạt công suất thiết kế 15 triệu viên QTC/năm;

- Duy trì lực lượng khai thác đá chẻ tại các huyện với sản lượng khoảng 20 triệu viên TC/năm;

- Đầu tư xây dựng mới 01 dây chuyền sản xuất gạch không nung công suất 10 triệu viên QTC/năm tại xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'Lấp; nguồn nguyên liệu sản xuất chủ yếu từ bùn đỏ;

- Đầu tư mới 01 dây chuyền sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu tại xã Năm N'jang, huyện Đắc Song với công suất 5 triệu viên QTC/năm.

1.2.2. Giai đoạn 2016 - 2020:

- Duy trì sản xuất các dây chuyền sản xuất gạch tuynel, lò hoffman, lò đứng liên tục hiện có, phát huy hết công suất thiết kế, sản lượng đạt 89,6 triệu viên;

- Xóa bỏ hoàn toàn lò đứng thủ công vào năm 2017;

- Đầu tư 03 dây chuyền sản xuất gạch nung lò tuynel công suất 20 triệu viên/năm tại các xã có vùng nguyên liệu đã được khảo sát thăm dò ở giai đoạn trước;

- + Xã Đăk Rông, huyện Cư Jút: 01 dây chuyền;
- + xã Quảng Phú, huyện Krông Nô: 01 dây chuyền;
- + Xã Đăk Drô, huyện Krông Nô: 01 dây chuyền.

- Phát huy hết công suất các cơ sở sản xuất gạch không nung hiện có, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu người tiêu dùng;

- Đầu tư mới 01 dây chuyền sản xuất gạch không nung xi măng - cốt liệu 20 triệu viên/dây chuyền năm tại Khu công nghiệp Nhân Cơ - huyện Đăk R'Lấp;

- Đầu tư các cơ sở sản xuất gạch không nung có quy mô 1,5 - 3,0 triệu viên/năm tại các huyện có mỏ đá đang khai thác làm đá xây dựng, tại các xã vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc ít người. Tổng năng lực sản xuất gạch không nung tăng thêm ở các huyện 9 triệu viên, phân bố như sau:

- + Xã Đăk Som, huyện Đăk G'Long: 2 cơ sở, năng lực 3 triệu viên/năm;
- + Xã Đức Mạnh, huyện Đăk Mil: 2 cơ sở, năng lực 3 triệu viên/năm;
- + Xã Nâm Nung, huyện Krông Nô: 2 cơ sở, năng lực 3 triệu viên/năm.

- Duy trì lực lượng khai thác đá chẻ, nâng công suất khai thác và sản lượng hàng năm lên 25 triệu viên.

2. Vật liệu lợp

- Nhu cầu vật liệu lợp ở tỉnh Đăk Nông từ nay đến năm 2020 như sau:

+ Năm 2015: 1,85 - 1,90 triệu m²

+ Năm 2020: 2,60 - 2,65 triệu m²

- Năng lực sản xuất, gia công tấm lợp các loại trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 sẽ đạt khoảng 2,7 triệu m².

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh chỉ có các cơ sở gia công tấm lợp kim loại với tổng năng lực sản xuất là 2,3 triệu m²/năm. Các cơ sở sản xuất không phát huy hết công suất do mức tiêu thụ còn hạn chế;

- Nhân dân Đăk Nông chủ yếu sử dụng tôn để lợp nhà, một số ít sử dụng ngói lợp. Trên địa bàn tỉnh không có cơ sở sản xuất ngói nung, nên nguồn cung ứng ngói nung đều được đưa ở các tỉnh khác về (như Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Định,...);

- Trong thời điểm hiện tại cũng như lâu dài, với tập quán xây dựng nhà ở của nhân dân Đăk Nông, thì tấm lợp kim loại và ngói lợp vẫn là loại vật liệu lợp được ưa dùng do khí hậu Tây Nguyên tương đối mát mẻ, ít bị ảnh hưởng gió bão và phù hợp với mức sống của dân cư. Vì vậy phương án phát triển sản xuất vật liệu lợp từ nay đến năm 2020 như sau:

+ Duy trì sản xuất các cơ sở gia công tấm lợp kim loại, phát huy hết công suất với tổng sản lượng 2,3 triệu m²/năm;

+ Mở rộng sản xuất tại các cơ sở gia công tấm lợp kim loại có thị trường tiêu thụ tốt (tập trung tại các vùng đông dân cư, giao thông thuận lợi,...) như thị xã Gia Nghĩa, huyện Cư Jút, huyện Đăk Mil. Nâng tổng công suất lên khoảng 2,7 triệu m²/năm; đồng thời đa dạng hóa sản phẩm tôn lợp như tôn giả ngói, tôn 3 lớp chống nóng, chống ồn....

3. Đá xây dựng

- Nhu cầu đá xây dựng ở Đắk Nông từ nay đến năm 2020 như sau:

+ Năm 2015: 1.500.000 - 1.700.00 m³

+ Năm 2020: 2.250.000 - 2.450.000 m³

- Tổng công suất các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng hiện nay đã đạt: 2.478.465 m³/năm;

- Tổng công suất các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng đã được cấp phép còn hạn đến năm 2020 là: 2.194.465 m³/năm;

- Đắk Nông là tỉnh có tiềm năng rất lớn về đá xây dựng, năng lực khai thác chế biến đá xây dựng hiện nay của tỉnh khoảng 2.478.465 m³/năm. Với năng lực khai thác chế biến đá như hiện nay hoàn toàn có khả năng đáp ứng được nhu cầu đá xây dựng từ nay đến năm 2020.

3.1. Phương hướng phát triển

- Đầu tư chiều sâu để đồng bộ các dây chuyền nghiền sàng đá, có mức độ cơ giới hoá cao đối với các cơ sở có quy mô lớn đã được cấp phép khai thác tại một số khu vực có trữ lượng đá lớn và có khả năng mở rộng mỏ, nhằm phát huy hết công suất thiết kế, sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu, bảo vệ môi trường;

- Tăng cường công tác quản lý về kỹ thuật khai thác, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, hoàn nguyên đất đai sau khai thác. Ban hành các văn bản pháp quy, các quy định về quản lý tài nguyên, về đăng ký kinh doanh hành nghề. Kiên quyết xoá bỏ các hoạt động khai thác trái phép, khai thác tuỳ tiện gây hậu quả nghiêm trọng;

- Tổ chức sắp xếp lại các cơ sở khai thác chế biến đá hiện có. Xoá bỏ các hộ cá thể và các doanh nghiệp tư nhân khai thác chế biến đá thủ công tại các huyện chưa được cấp phép;

- Các cơ sở khai thác chế biến đá xây dựng phải có phương án sử dụng đá mặt thải và hàng năm phải hoàn nguyên đất đai sau khai thác;

- Cần tổ chức kiểm tra thường xuyên, đánh giá hoạt động khai thác của các đơn vị để có cơ sở cấp phép lại, tạo điều kiện cho các đơn vị tiếp tục hoạt động để cung cấp đá xây dựng cho địa phương.

3.2. Phương án cụ thể

3.2.1. Giai đoạn từ nay đến năm 2020:

- Do năng lực sản xuất hiện tại của tỉnh đã vượt quá nhu cầu nên phương án quy hoạch khai thác chế biến đá chủ yếu là vấn đề tổ chức lại sản xuất để có cơ sở quản lý tốt mọi hoạt động khai thác.

- Từ nay đến năm 2020, duy trì sản xuất đối với các doanh nghiệp đang khai thác chế biến đá đã được cấp phép và đang còn thời hạn, không gia hạn và cho phép hoạt động đối với các cơ sở có giấy phép đã hết hạn trên địa bàn các huyện, thị xã, cụ thể như sau:

+ Thị xã Gia Nghĩa: Duy trì hoạt động đối với các cơ sở đã được cấp phép và còn thời hạn, đó là 3 cơ sở khai thác đá tại khu vực mỏ đá Hồ Kè, mỏ đá Đắk

R'Moan và mỏ đá thôn Tân An - xã Đắc R'Moan với tổng năng lực là 438.450 m³/năm;

+ Huyện Đắc R'Lấp: Duy trì 7 cơ sở đang hoạt động khai thác, chế biến tại các xã: Đắc Sin, Nhân Đạo, Đắc Wer, Kiến Thành, Đắc Ru và Nghĩa Thắng với tổng năng lực là 922.350 m³/năm;

+ Huyện Đắc G'Long: Duy trì 03 cơ sở khai thác tại xã Đắc Som và xã Đắc Ha với năng lực là 282.315 m³/năm;

+ Huyện Cư Jút: Duy trì 01 cơ sở khai thác tại mỏ đá Buôn Nui - xã Eapô với năng lực là 100.000 m³/năm;

+ Huyện Đắc Song: Duy trì 01 cơ sở đang hoạt động khai thác tại xã Năm N'jang với năng lực là 42.000 m³/năm;

+ Huyện Tuy Đức: Duy trì 01 cơ sở đang hoạt động khai thác tại xã Quảng Trục với năng lực là 40.000 m³/năm;

+ Huyện Đắc Mil: Duy trì 4 cơ sở đang hoạt động khai thác tại xã Đắc R'La, xã Đắc Mạnh và xã Đắc Lao với tổng năng lực là 284.350 m³/năm;

+ Huyện Krông Nô: Duy trì hoạt động 2 cơ sở đang hoạt động khai thác tại xã Quảng Phú và xã Năm Nung với tổng năng lực là 85.000 m³/năm.

- Với thực trạng cấp phép như trên, tổng năng lực khai thác chế biến đá xây dựng của tỉnh năm 2015 đã đạt 2.239.465 m³, vượt nhu cầu về đá xây dựng trên địa bàn tỉnh năm 2015 và đáp ứng được nhu cầu năm 2020. Tuy nhiên, nhu cầu đá xây dựng trên địa bàn tỉnh năm 2015 còn hạn chế, chỉ là 1.500.000 - 1.700.000 m³, nên các cơ sở khai thác chế biến tùy theo mức tiêu thụ trên thị trường mà đưa ra kế hoạch sản xuất cho phù hợp. Tại các mỏ đá nên tổ chức sản xuất gạch không nung để tận dụng nguồn đá mặt.

3.2.2. Giai đoạn sau 2020:

- Dựa vào tiềm năng tài nguyên đá và điều kiện giao thông, điều kiện khai thác tại một số khu vực, dự kiến đầu tư chiều sâu để tăng năng lực khai thác, chế biến đá xây dựng tại các khu vực đã đầu tư giai đoạn trước, có thể cấp phép mới hoặc đầu tư mở rộng các cơ sở khai thác chế biến đá xây dựng để đáp ứng nhu cầu thời điểm đó;

- Với dự kiến năng lực khai thác chế biến đá xây dựng trên địa bàn các huyện như trên, các công ty, các doanh nghiệp khai thác chế biến đá có đủ điều kiện tiếp tục đầu tư chiều sâu, trang bị thêm thiết bị khai thác, nghiền sàng, bốc xúc cơ giới hoá để tăng năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu của thị trường;

- Bên cạnh đó để đáp ứng nguồn nguyên liệu cho sản xuất cát nghiền trong giai đoạn này, cần cấp phép khai thác tại các khu vực dự định đầu tư chế biến cát nghiền với tổng công suất 300.000 m³/năm (được nêu cụ thể ở phần phương án quy hoạch cát xây dựng).

4. Cát xây dựng

- Nhu cầu cát xây dựng ở tỉnh Đắk Nông từ nay đến năm 2020:

+ Năm 2015: 1.150.000 - 1.200.000 m³

+ Năm 2020: 1.600.000 - 1.650.000 m³

- Tổng hợp năng lực khai thác, chế biến cát xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 như sau:

+ Năm 2015: 1.200.000 m³

+ Năm 2020: 1600.000 m³

- Nguồn tài nguyên cát xây dựng ở Đắk Nông không nhiều, phân bố rải rác trên các con sông và một số suối nhỏ ở địa bàn 5 huyện, thị (tập trung nhiều ở huyện Krông Nô và huyện Đắk R'Lấp). Cát sông của Đắk Nông có chất lượng rất tốt, dễ khai thác, thường được sử dụng để xây trát và đổ bê tông. Tuy nhiên điều kiện giao thông vào các khu vực khai thác cát hiện nay rất khó khăn nên ảnh hưởng rất lớn đến việc vận chuyển cát đi tiêu thụ.

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 9 cơ sở được cấp phép khai thác cát với tổng năng lực là 260.000 m³. Ngoài ra, ở huyện Krông Nô còn có 1 công ty, 2 doanh nghiệp tư nhân và 4 hộ cá thể tham gia khai thác cát sông không phép với công suất 21.750 m³/năm. Sản lượng cát khai thác trên địa bàn chỉ đáp ứng được phần nhu cầu của tỉnh; phần lớn cát được cung ứng từ các tỉnh lân cận.

4.1. Phương hướng phát triển

- Trong các giai đoạn tới, nhu cầu cát xây dựng trong tỉnh còn tăng lên, đòi hỏi lĩnh vực khai thác cát phải được đầu tư chiều sâu, mở rộng, tăng cường sản lượng khai thác. Tuy nhiên trên các sông Krông Nô và sông Đồng Nai hiện đã có các công trình thủy điện lớn, việc đắp các đập thủy điện chắn dòng đã hạn chế sự bồi đắp cát trên các lòng sông, như vậy trữ lượng cát trên các sông tại Đắk Nông không có nhiều. Định hướng phát triển khai thác cát ở Đắk Nông từ nay đến năm 2020 như sau:

+ Đẩy mạnh khai thác cát trên sông Krông Nô, sông Đồng Nai, và một số suối để đáp ứng nhu cầu cát xây và cát đổ bê tông trong toàn tỉnh, trên cơ sở quản lý chặt chẽ việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về khai thác cát lòng sông, khai thác đúng quy hoạch và đúng quy trình. Tận dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên của tỉnh, song phải gắn với công tác bảo vệ môi trường sinh thái, không chế phạm vi và độ sâu khai thác để không gây sạt lở, đảm bảo an toàn cầu và các công trình thủy lợi trên sông và không làm ảnh hưởng đến dòng chảy;

+ Đề giải quyết việc thiếu hụt cát trong các giai đoạn sau, đầu tư xây dựng các cơ sở nghiền cát từ đá granit và đá bazan để thay thế một phần cát sông;

+ Tổ chức sắp xếp lại lực lượng khai thác cát trên cơ sở tập hợp các hộ cá thể thành lập các cơ sở khai thác cát xây dựng có các bãi chứa cát tập trung, cũng là đầu mối thu mua cung ứng cát để hạn chế tình trạng khai thác manh mún, phân tán, nâng cao sản lượng khai thác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức quản lý khai thác theo quy hoạch của các cấp, ngành, địa phương nhằm bảo vệ tài nguyên, bảo vệ các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi. Đồng thời huy động được nguồn vốn trong dân để đầu tư phương tiện, thiết bị khai thác, cải tạo bến bãi, đường giao thông;

+ Chấm dứt tình trạng khai thác trái phép của các tổ chức và hộ cá thể không có chức năng khai thác và kinh doanh cát. Các đơn vị khai thác cát cần

đầu tư nâng cao năng lực khai thác cát, tăng cường phổ biến thông tin thị trường và điều phối thị trường giữa các đơn vị khai thác, tránh tình trạng tranh mua tranh bán cũng như thống nhất về giá cả sản phẩm trong từng thời kỳ.

4.2. Phương án cụ thể giai đoạn từ nay đến năm 2020:

- Đầu tư tăng cường phương tiện khai thác, bốc xúc và vận chuyển bằng cơ giới để phát huy năng lực của các cơ sở khai thác hiện có đã được cấp phép, đạt sản lượng 1.400.000 m³/năm;

- Nghiêm cấm khai thác đối với tất cả các cơ sở khai thác không có giấy phép;

- Tổ chức sắp xếp lại lực lượng khai thác hộ cá thể trên cơ sở thành lập một số doanh nghiệp khai thác cát xây dựng tập trung có đăng ký hành nghề và xin cấp phép khai thác, đầu tư xây dựng mở rộng bến bãi tập trung, đường giao thông;

- Cấp phép mới cho các cơ sở khai thác cát tại các điểm mỏ, trên các sông suối đã được thăm dò khảo sát tại các huyện Đắk Song, Đắk G'Long, Đắk R'Lấp, Krông Nô với tổng công suất từ 1.200.000 – 1.400.000 m³/năm. Cụ thể phân bố tại các huyện như sau:

- + Huyện Đắk R'lấp: Khai thác cát tại các xã Đắk Ru, Đắk Sin với tổng công suất khoảng 50.000 m³/năm;

- + Huyện Krông Nô: Khai thác cát tại các xã: Buôn Choah, Quảng Phú, Đắk Nang, Nậm Nđir với tổng công suất khai thác khoảng 1.110.000 m³/năm;

- + Huyện Đắk Song: Khai thác cát tại xã Nậm N'Jang với công suất 30.000 m³/năm;

- + Huyện Đắk G'Long: Khai thác cát tại xã Quảng Sơn với công suất 50.000 m³/năm.

- Với phương án quy hoạch, năng lực khai thác cát tự nhiên năm 2015 toàn tỉnh là 1.240.000 m³;

- So với nhu cầu, khai thác cát tự nhiên trong tỉnh chưa thể đáp ứng được nhu cầu xây dựng của tỉnh, do vậy cần nghiên cứu đầu tư các cơ sở chế biến cát nhân tạo (cát nghiền). Theo phương án đó, dự kiến đầu tư các cơ sở sản xuất cát nghiền tại các địa phương thuận lợi về nguồn nguyên liệu và giao thông;

- Đầu tư 3 cơ sở cát nghiền tại thị xã Gia Nghĩa, huyện Tuy Đức, huyện Đắk Mil mỗi huyện có công suất khai thác, chế biến từ 10.000 – 20.000 m³/năm;

- Sử dụng nguyên liệu tại các mỏ đá bazan đặc xít. Cát nghiền sử dụng cho bê tông và vữa phải đạt tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TC XDVN 349 : 2005;

- Với phương án phát triển khai thác và chế biến cát như trên, năng lực khai thác cát sông và cát nghiền của tỉnh sẽ đạt khoảng 1.300.000 m³/năm; đáp ứng nhu cầu sử dụng cát trên địa bàn trong những năm trước năm 2020;

- Để đáp ứng được nhu cầu cát xây dựng trong những năm tiếp theo (năm 2020), cần tiếp tục đầu tư các cơ sở sản xuất cát nghiền tại các địa phương trên địa bàn tỉnh;

năm 2015 và 570 triệu m² vào năm 2020. Căn cứ vào những nguồn lực của tỉnh, trong giai đoạn tới không nên phát triển sản xuất gạch gốm ốp lát tại Đắk Nông. Nhu cầu về gạch gốm ốp lát cho tỉnh sẽ được cung ứng từ các cơ sở sản xuất ở các tỉnh Miền Trung và Miền Đông Nam Bộ như: Long An, Bình Dương, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh và từ nguồn nhập ngoại.

- **Sứ vệ sinh:** Hiện tại trên phạm vi cả nước cũng là một sản phẩm có cung lớn hơn cầu. Năng lực sản xuất trên toàn quốc đến năm 2013 khoảng 14,7 triệu sản phẩm, trong khi nhu cầu tiêu thụ trên toàn quốc chỉ khoảng trên 8,6 triệu sản phẩm. Nguồn nguyên liệu của tỉnh chưa xác định; vốn đầu tư cho sản xuất lớn; ngoài ra đòi hỏi lực lượng lao động có tay nghề cao; nhu cầu sứ vệ sinh ở Đắk Nông không cao, vì vậy không nên phát triển sản xuất sứ vệ sinh ở Đắk Nông trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Nhu cầu về sứ vệ sinh của tỉnh sẽ được cung ứng từ các cơ sở sản xuất ở các tỉnh, thành phố khác và từ nguồn nhập ngoại.

- **Kính xây dựng:** Năm 2013 tổng công suất thiết kế sản xuất kính xây dựng trên toàn quốc là 188 triệu m²/năm, đã thỏa mãn nhu cầu kính xây dựng trên toàn quốc đến năm 2015. Vì vậy, không nên phát triển kính xây dựng ở Đắk Nông trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Nhu cầu về kính xây dựng của tỉnh sẽ được cung ứng từ các cơ sở sản xuất ở các tỉnh: Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và từ nguồn nhập ngoại.

Ngoài các loại vật liệu trang trí hoàn thiện đã nêu trên, còn một số chủng loại vật liệu khác không thể thiếu được trong xây dựng như các loại sơn, bột màu, ma tít, vật liệu tiểu ngũ kim xây dựng ... Để đáp ứng nhu cầu các loại vật liệu này tại Đắk Nông, sẽ được cung ứng từ các tỉnh khác về mà chủ yếu là từ thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Vật liệu xây dựng, trang trí, hoàn thiện từ nhôm

- Cùng với việc đầu tư nhà máy điện phân nhôm tại khu công nghiệp Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp với công suất 450.000 tấn/năm cần tập trung đầu tư các nhà máy để sản xuất các sản phẩm sau nhôm, đẩy mạnh ngành công nghiệp phụ trợ, hỗ trợ sản xuất nhôm thành phẩm sử dụng trong xây dựng công trình, hoàn thiện, trang trí công trình từ sản phẩm nhôm.

- Giai đoạn 2016-2020: Xây dựng 01 nhà máy chế tạo khung cửa nhôm, tấm nhôm, tấm hợp kim nhôm với công suất 50.000 tấn/năm tại xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp.

6. Xi măng

- Nhu cầu xi măng của tỉnh Đắk Nông từ nay đến năm 2020 như sau:

+ Năm 2015: 550.000 - 650.000 tấn

+ Năm 2020: 750.000 - 850.000 tấn

- Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông không có cơ sở sản xuất xi măng. Để đáp ứng nhu cầu trong tỉnh, nguồn cung ứng xi măng chủ yếu là xi măng Holcim và xi măng Hà Tiên. Trên địa bàn xã Quảng Phú, huyện Krông Nô đã có Nhà máy sản xuất VLXD Tây Nguyên, công suất 150.000 tấn/năm đang được xây dựng và sẽ nâng công suất lên 300.000 tấn năm vào giai đoạn 2. Mục tiêu

- Đầu tư mới các cơ sở sản xuất cát nghiền tại các khu vực có nguồn nguyên liệu dồi dào, phân bố tại các huyện, thị như sau: huyện Đăk Mĩ, huyện Đăk Song, huyện Tuy Đức, huyện Đăk R'lấp, huyện Đăk G'Long và thị xã Gia Nghĩa, mỗi huyện có công suất khai thác, chế biến từ 20.000 - 100.000 m³/năm;

- Theo phương án quy hoạch, đến năm 2020 năng lực khai thác, chế biến cát xây dựng trên địa bàn tỉnh Đăk Nông đạt 1.600.000 m³/năm, cơ bản đáp ứng nhu cầu cát xây dựng trên địa bàn tỉnh.

5. Vật liệu trang trí hoàn thiện

- Trong xây dựng có một số chủng loại vật liệu trang trí hoàn thiện không thể thiếu và ngày càng được sử dụng nhiều hơn, đặc biệt đối với các công trình xây dựng dân dụng, đó là các loại gạch gốm ốp lát, đá ốp lát, sứ vệ sinh và kính xây dựng. Việc phát triển xây dựng các khu đô thị mới, xây dựng các khu nhà cao tầng, các cơ sở văn phòng, khách sạn, các khu du lịch vui chơi giải trí, cải tạo nhà ở hiện có và xây dựng nhà ở mới của nhân dân sẽ kéo theo nhu cầu vật liệu trang trí hoàn thiện ngày càng cao cả về khối lượng lẫn chất lượng sản phẩm. Nhu cầu một số loại vật liệu trang trí, hoàn thiện sẽ tăng lên nhanh chóng.

- Theo dự báo thì tốc độ đô thị hoá của Đăk Nông từ nay đến năm 2020 diễn ra rất nhanh, tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2015 là 20% và năm 2020 là 30%.

5.1. Vật liệu đá ốp lát: Trên địa bàn tỉnh Đăk Nông đã có 4 cơ sở chế biến đá ốp lát đang hoạt động với tổng công suất khai thác là 390.000 m³, tổng công suất chế biến 510.000 m²/năm và 2 cơ sở đang đầu tư xây dựng.

- Phương hướng phát triển đến năm 2020 như sau:

+ Thực hiện thăm dò, đánh giá trữ lượng các mỏ đá ốp lát để bổ sung vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXD cao cấp của cả nước;

+ Nâng công suất khai thác đá khối của các cơ sở có nhà máy chế biến đá ốp lát và đá mỹ nghệ hiện có trên địa bàn tỉnh;

+ Phát huy hết năng lực các cơ sở chế biến đá ốp lát hiện có trên địa bàn tỉnh;

+ Khoanh định khu vực có khoáng sản đá ốp lát phân tán, nhỏ lẻ trình cấp có thẩm quyền khoanh định và công bố;

+ Đầu tư chế biến các sản phẩm đá ốp lát như đá chẻ, đá sân vườn, đá mỹ nghệ... từ đá khối đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

5.2. Gạch gốm ốp lát, sứ vệ sinh và kính xây dựng: Trong thời gian qua, tất cả các loại vật liệu xây dựng trên đều được cung ứng từ các tỉnh khác và từ nguồn VLXD nhập ngoại. Trong thời điểm hiện nay, thị trường các loại vật liệu này trên phạm vi cả nước đang ở trạng thái cung cầu tương đối ổn định và công suất thiết kế sản xuất các chủng loại vật liệu trên đều cao hơn so với nhu cầu thực tế, cụ thể như sau:

- **Gạch gốm ốp lát:** Năng lực sản xuất trong toàn quốc đến năm 2013 đạt khoảng trên 443 triệu m², sản lượng đạt 304 triệu m², tiêu thụ được 250 triệu m² và trong khi đó nhu cầu tiêu thụ trong toàn quốc chỉ khoảng 380 triệu m² vào

của dự án này là nghiền đá bazan bột thành bột phụ gia cung cấp cho đập thủy điện làm bê tông đầm lăn, bê tông ít tỏa nhiệt. Thiết bị và công nghệ của nhà máy này hoàn toàn có thể nghiền được xi măng PCB30 và PCB40 khi có nhu cầu. Nguồn cung cấp clanhke có thể lấy từ các nhà máy xi măng Bình Phước, Tây Ninh hoặc các nhà máy ở Miền Trung và Nam Trung Bộ.

- Với việc nghiền xi măng ở đây sẽ tận dụng được nguồn phụ gia bazan bột, giảm được 25 - 30% khối lượng xi măng vận chuyển vào tỉnh. Nếu phát huy được công suất trạm nghiền thì từ năm 2015 đến năm 2020 tỉnh sẽ tự đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu xi măng trong tỉnh.

7. Bê tông: Trong các giai đoạn tới, nhu cầu bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm tại tỉnh Đắk Nông sẽ tăng lên để phục vụ các chương trình cấp thoát nước, phát triển lưới điện, xây dựng các khu công nghiệp, các khu đô thị; vì vậy việc phát triển các cơ sở sản xuất bê tông đúc sẵn, trạm trộn bê tông thương phẩm là cần thiết. Phương án phát triển sản xuất bê tông tại Đắk Nông từ nay đến năm 2020 như sau:

- Phát huy hết công suất dây chuyền sản xuất bê tông li tâm của các cơ sở hiện có:

+ Công ty CP xây dựng điện VNECO-8: Chuyên sản xuất cột điện ly tâm từ năm 2009, công suất trung bình 20 cột/ngày (dài 8,4 đến 20m);

+ Công ty TNHH tư vấn và xây lắp 504: Sản xuất ống cống và cột điện các loại từ năm 2012, công suất thiết kế 30 tấn/ngày.

- Đầu tư 01 dây chuyền sản xuất bê tông thương phẩm công suất 60 m³/h; trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa;

- Mở rộng nâng công suất nhà máy bê tông thương phẩm của công ty TNHH DINMY lên 150m³/h trong những năm trước năm 2020;

- Đa dạng hoá sản phẩm như các sản phẩm bê tông cấu kiện, pa nen, các loại tấm bó vỉa hè...;

- Đầu tư sản xuất bê tông thương phẩm tại các cơ sở sản xuất bê tông li tâm và bê tông cấu kiện để phục vụ xây dựng các khu công nghiệp và các khu đô thị.

8. Khai thác, chế biến nguyên liệu: Khai thác chế biến nguyên liệu là một lĩnh vực sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế khá cao. Dựa trên nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có, sau khi khai thác và chế biến sẽ trở thành nguyên liệu cần thiết cho các ngành sản xuất khác. Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có phân bố một số loại khoáng sản có thể chế biến trở thành nguyên liệu có giá trị như đá bazan bột, cao lanh.

8.1. Ba zan bột

- Duy trì trạm nghiền bazan bột tại xã Đắk Nia, thị xã Gia Nghĩa; khai thác tận thu mỏ đá 4A cho đến khi đóng cửa mỏ. Sau đó chuyển về nhà máy sản xuất VLXD Tây Nguyên ở xã Quảng Phú.

- Hoàn thành đầu tư dây chuyền nghiền của nhà máy sản xuất VLXD Tây Nguyên, công suất giai đoạn I là 150.000 tấn/năm; giai đoạn II là 300.000

tấn/năm. Dây chuyền có thể nghiền bazan bột hoặc nghiền xi măng cung ứng theo nhu cầu của thị trường.

8.2. Cao lanh

- Cao lanh là khoáng chất công nghiệp được sử dụng rất rộng rãi như trong công nghiệp sản xuất giấy, gốm sứ, vật liệu chịu lửa, thủy tinh ... Hiện tại, các cơ sở gốm sứ xây dựng ở Việt Nam phải nhập khẩu hàng chục nghìn tấn nguyên liệu cao lanh chất lượng cao mỗi năm. Vì vậy, việc khai thác và tuyển lọc cao lanh với chất lượng cao và ổn định, nâng cao hiệu suất thu hồi và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên này ở trong nước là rất cần thiết;

- Đắk Nông có một số mỏ cao lanh có trữ lượng tương đối lớn tập trung ở huyện Đắk G'Long, huyện Krông Nô, huyện Cư Jút và thị xã Gia Nghĩa. Hiện nay, các mỏ cao lanh chưa được thăm dò, nghiên cứu tỉ mỉ đánh giá chất trữ lượng và chưa có đơn vị nào khai thác chế biến. Tuy nhiên theo đánh giá sơ bộ, các mỏ cao lanh là có triển vọng với trữ lượng dự báo lên trên 4 triệu tấn. Vì vậy, dự kiến trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 sẽ tiến hành đầu tư thăm dò nghiên cứu tỉ mỉ đối với các mỏ cao lanh trên địa bàn để đánh giá được chất lượng và trữ lượng mỏ để sản xuất VLXD mới.

Điều 2. Trách nhiệm các Sở, Ban, ngành, địa phương

1. Sở Xây dựng

- Tổ chức công bố rộng rãi cho các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nghiên cứu tham gia đầu tư phát triển sản xuất VLXD;

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã rà soát sắp xếp lại các cơ sở, đơn vị sản xuất VLXD cho phù hợp với quy hoạch theo từng giai đoạn, thực hiện lộ trình phát triển vật liệu xây dựng không nung theo chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Là cơ quan đầu mối hướng dẫn các đơn vị, chủ đầu tư thực hiện quy hoạch Phát triển VLXD trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên tổ chức đánh giá việc thực hiện quy hoạch, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung quy hoạch kịp thời và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Triển khai và quản lý công tác điều tra, đánh giá thăm dò khoáng sản làm VLXD, quản lý công tác khai thác khoáng sản làm VLXD theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và các quy định khác có liên quan;

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan kịp thời rà soát, bổ sung những khu vực có tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng mới phát hiện hoặc chưa có trong quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thỏa thuận trước khi đầu tư khai thác;

- Tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất trong việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, khai thác chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng không phép, trái phép gây ô nhiễm môi trường để xử lý theo thẩm quyền.

3. UBND các huyện, thị xã

- Tổ chức tuyên truyền, vận động và giám sát việc thi hành pháp luật của các cơ sở khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn;

- Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản, môi trường và xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo thẩm quyền;

- Có trách nhiệm quản lý theo dõi và thống kê về hoạt động khai thác sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn, định kỳ 06 tháng báo cáo gửi về Sở Xây dựng và các Sở liên quan.

Điều 3.

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.

- Quy hoạch này là định hướng, cơ sở cho việc, lập, thẩm định các quy hoạch khác có liên quan, thỏa thuận triển khai các dự án sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT: Đ/c Nguyễn Bốn;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC, KHTH, CNXD(Hg).

Ze

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn